TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀNG ĐỊNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hường phúc**
Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST Ngày 14-6-2022 Về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bẩy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thu Hương;

Bà Vi Thị Quý.

-***Thư ký phiên toà*:** Ông Triệu Tuấn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2022/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1996, có mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị đơn: Anh La Đức T1, sinh năm 1995, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày:

Chị và anh La Đức T1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 11 năm 2014, tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, nhưng được thời gian thì vợ chồng bất đồng trong nhiều vấn đề, vợ chồng không có tiếng nói chung, cách sống và lối sống không còn dành tình cảm cho nhau; bản thân anh T1 không còn tập trung làm ăn, mải mê các tệ nạn xã hội từ đó tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn yêu thương, quan tâm chăm sóc nhau. Tính đến ngày chị viết đơn ly hôn thì vợ chồng ly thân được 02 năm 09 tháng. Để không ảnh hưởng đến con cái, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh La Đức T1.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu La Việt K, sinh ngày 28/8/2014, hiện cháu đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và cũng phù hợp với nguyện vọng ở với mẹ của cháu. Chị không đề nghị anh La Đức T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng và anh T1 được thăm nom con chung không ai cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, chung, riêng: Chị khẳng định vợ chồng không tạo lập được tài sản chung, không phát sinh nợ chung hay nợ riêng ai. Do đó, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, chị không đề nghị Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải.

Đối với anh La Đức T1, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù chị thông báo, gia đình thông tin cho anh biết việc ly hôn nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, ngày 16/5/2022, Tòa án nhận được đơn đề nghị của anh La Đức T1 đề ngày 04/5/2022, theo đó anh thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, không còn ai yêu thương quan tâm ai. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh nhất trí. Đối với con chung, anh đề nghị khi ly hôn sẽ giao con cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục con chung và anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, anh đồng ý với chị T và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác, anh đề nghị xét xử vắng mặt do đi lại không tiện.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chị Lương Thị T đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh La Đức T1 không chấp hành theo quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng có đơn đề nghị xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lương Thị T được ly hôn với anh La Đức T1; về con chung: Giao con chung cho chị Lương Thị T là người nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh La Đức T1 không phải cấp dưỡng và anh T1 được thăm nom con chung không ai cản trở; về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không yêu cầu giải quyết; về

án phí, chị Lương Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Chị T, anh T1 đều có đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Thôn 1, xã K, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Chị Lương Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn đề nghị đồng thời xin xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án và nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị T và anh La Đức T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 12/11/2014, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn một thời gian thì tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do lối sống, tính cách không còn phù hợp với nhau. Tính đến ngày khởi kiện vợ chồng anh, chị đã ly thân được 02 năm 09 tháng. Từ đó, tình cảm vợ chồng nhạt dần và không còn dành tình cảm cho nhau. Trong quá trình sống ly thân, không ai còn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không ai yêu thương quan tâm, chăm sóc nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Điều này được khẳng định từ cả chị T và anh T1. Do đó, chị Lương Thị T yêu cầu ly hôn anh La Đức T1 là có căn cứ cần chấp nhận, cho chị Lương Thị T ly hôn với anh La Đức T1; về con chung, việc chị T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là hoàn toàn hợp lý, bởi lẽ hiện nay cháu đang ở với mẹ, đồng thời trong bản tự khai cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, cần giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là hợp lý. Tuy nhiên, anh T1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Đối với tài sản chung, tài sản riêng, cho vay chung, cho vay riêng: Cả anh T1 và chị T đều không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T được ly hôn với anh La Đức T1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu La Việt K, sinh ngày 28/8/2014 cho chị Lương Thị T là người nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh La Đức T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0006293, ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị T có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, anh La Đức T1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định;
- UBND xã K, H. Tràng Định; T.Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bẩy